TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 19 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Bà Hoàng Thị Ngọc T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số C L, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; địa chỉ: Số G N, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 18/12/2017 nên hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Quá trình giải quyết, theo bà T, ông M trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay, bà T, ông M đều xác định không thể tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại nên thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông bà. Qua đó xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng

bà T, ông M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của bà T, ông M.

[2] Về con chung: Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh T1, sinh ngày 26/9/2018. Ly hôn, bà T và ông M cùng thoả thuận thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Hoàng Minh T1, sinh ngày 26/9/2018 cho bà Hoàng Thị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2025 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của bà T, ông M. Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh T1, sinh ngày 26/9/2018, cho bà Hoàng Thị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2025 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M thỏa thuận chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh T1, sinh ngày 26/9/2018. Bà T, ông M cùng thoả thuận thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Hoàng Minh T1, sinh ngày 26/9/2018 cho bà Hoàng Thị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2025 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M thỏa thuận chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002052 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tư nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đào Thị Lương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi Cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND Phường 3, thành phố Đà Lạt;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.